

**CÔNG TY CỔ PHẦN B&D GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN B&D GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: B&D GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: B&D GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108421236

**3. Ngày thành lập:** 31/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 55 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913304113

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                    | 7410     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330     |
| 3.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                               | 6202     |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                               | 4222     |
| 5.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                             | 4293     |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).                                                                  | 4299     |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                            | 4610     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101 |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312 |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(Trừ hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7120 |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                     | 4649 |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4211 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322 |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5610 |
| 16. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4221 |
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4223 |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4212 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.                                                                                                                                                                                                             | 4329 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4102 |
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311 |
| 25. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4753 |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4773 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 27. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa hình;</li> <li>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình.</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.</li> <li>- Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</li> <li>- Đo bóc khối lượng;</li> <li>- Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</li> <li>- Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</li> <li>- Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</li> <li>- Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</li> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước;</li> <li>- Lập dự án đầu tư xây dựng</li> <li>- Hoạt động đo đạc và bản đồ;</li> <li>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước</li> </ul> | 7110(Chính) |
| 28. | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4752        |
| 29. | <p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |

|     |                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------|------|
| 31. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: - Khách sạn | 5510 |
| 32. | Xây dựng công trình thủy                           | 4291 |
| 33. | Xây dựng công trình khai khoáng                    | 4292 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                            | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THANH VIỆT BÁCH | P1604, Chung cư Eurowindow, đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    | 0310770016<br>12                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                                                 | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRỊNH VĂN TOÀN     | P1001 Tầng 10, chung cư Tân Thịnh, Khối Tân Phúc, đường Lê Mao kéo dài, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    | 182279311                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                                                 | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ CẨM TÚ  | Số 31, ngõ 150 Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                 | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    | 013314245                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                                                 | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN VĂN ĐẠT     | Số 4 Nguyễn Văn Tố, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                 | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    | 0340850042<br>92                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                                                 | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034085004292

Ngày cấp: 29/04/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4 Nguyễn Văn Tố, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4 Nguyễn Văn Tố, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội